

CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
**BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Số: 78 /PPC-TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 03 tháng 04 năm 2019

V/v Công bố Báo cáo thường niên  
năm 2018

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mã chứng khoán : PBP

Địa chỉ trụ sở chính : Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu

Điện thoại : (84) - 2913 957 555

Fax : (84) - 2913 957 666

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Cảnh Khánh

Địa chỉ thường trú: 278/22A, đường Tâm Vu, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555

Fax: (84) - 2913 957 666

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



*Lê Cảnh Khánh*



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**GIỚI THIỆU CHUNG**

	<b>Trang</b>
Thông tin khái quát	1
Quá Trình hình thành phát triển	1
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	2
Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	3
Định hướng phát triển	4
Các rủi ro	5

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
Tổ chức và nhân sự	8
Tình hình hoạt động đầu tư	11
Tình hình tài chính	13
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả kinh doanh	20
Tình hình tài chính	22
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	24
Kế hoạch phát triển trong tương lai	25

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)**

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	29
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc	30
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	31

**HĐQT QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị	33
Ban Kiểm Soát	37
Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc	43

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch tiếng Anh: PetroVietnam Packaging J.S.C

Tên viết tắt : PPC

Mã chứng khoán: PBP

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1900437757
- Vốn điều lệ: 45.709.940.000 đồng
- Địa chỉ: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Số điện thoại: 02913 957 555

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 2016-2018

- ▶ Hoàn thành Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu năm 2016 và đưa vào vận hành sản xuất.

### 2015

- ▶ Ngày 27/01/2015 Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt nam chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PBP

### 2012

- ▶ Tháng 12/2012 PPC chính thức trở thành công ty con của PVCFC

### 2010

- ▶ Tháng 06/2010 Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức thành lập

# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



## Ngành nghề kinh doanh:

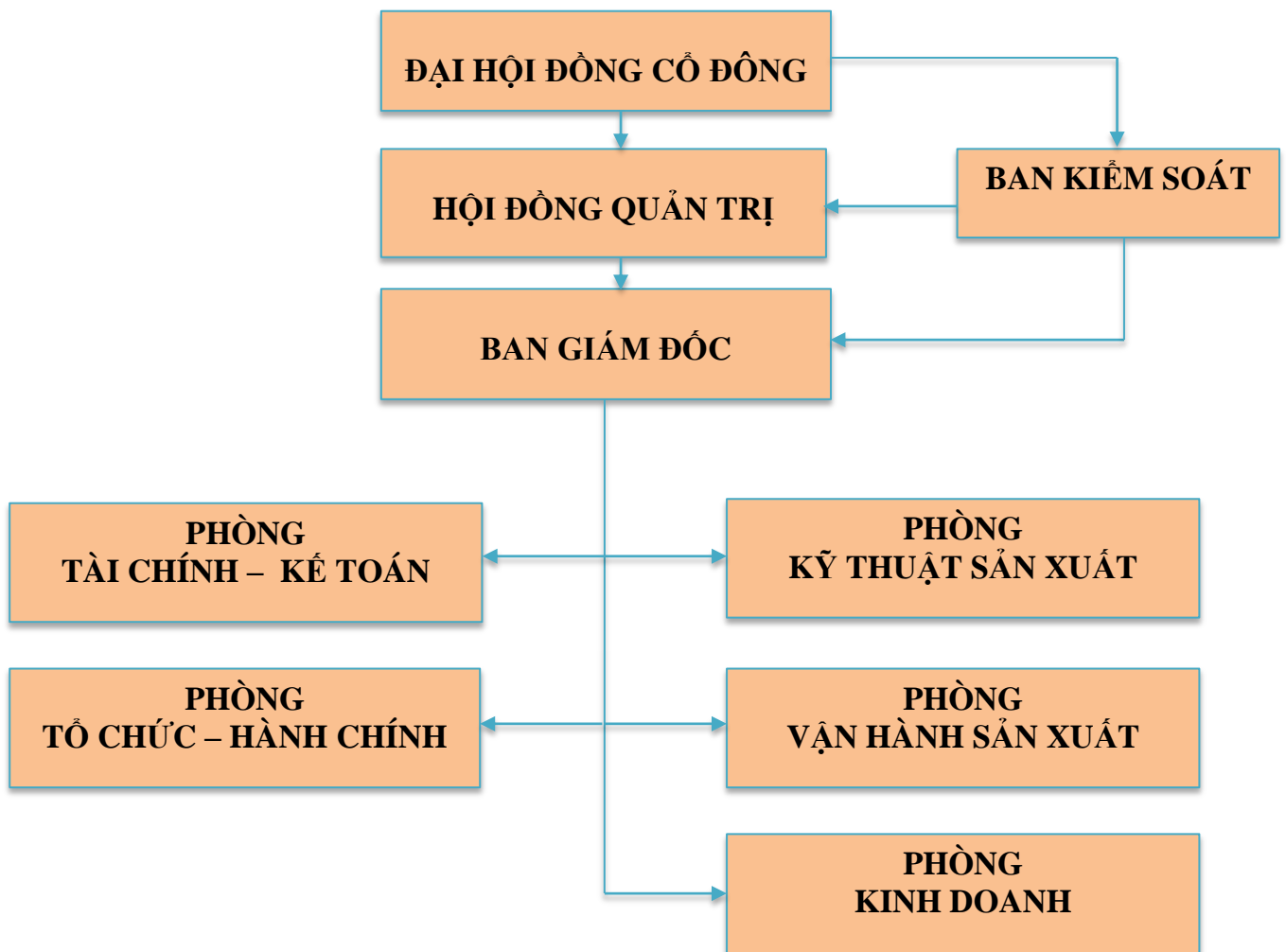
- Sản xuất và kinh doanh Bao bì PP
- Sản xuất và kinh doanh phân bón.

## Địa bàn kinh doanh:

Các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Các chi nhánh, Công ty con:**

Không có

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Quản lý và vận hành 02 Nhà máy Bao bì và Phân bón an toàn, hiệu quả.

Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.

Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Gia tăng tỷ trọng bao bì ngoài ngành và xuất khẩu.

Phát triển, nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm phân bón N. Humate, NPK humic.

Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động.

Gia tăng lợi ích cho cổ đông.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Mở rộng và phát triển lĩnh vực cốt lõi bao bì đạt 25-30 triệu bao/ năm. Trở thành chuyên gia cung cấp giải pháp về Bao bì hàng đầu khu vực Tây Nam Bộ.

Duy trì và phát triển các dòng sản phẩm phân bón tái tạo đất như phân N. Humate+Te, NPK humic,... Là đơn vị gia công các sản phẩm phân bón trong bộ sản phẩm thương hiệu ĐCM.



## Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Coi trọng hàng đầu công tác đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, địa phương.

Tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 250 lao động địa phương.

Thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như Nghĩa tình ngày tết, tham hỏi gia đình chính sách có công, mẹ Việt Nam anh hùng, thăm hỏi trẻ mồ côi, ủng hộ sách vở cho các em học sinh nghèo hiếu học,...



## Rủi ro ảnh hưởng từ kinh tế vĩ mô

Năm 2018, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm và có khả năng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên 7% vào năm 2019. Khi nền kinh tế phát triển sẽ kéo theo giao thương hàng hóa sôi động, nhu cầu tiêu dùng bao bì tăng lên, thị hiếu thị trường hướng đến chất lượng mẫu mã bao bì đẹp hơn để gia tăng giá trị sản phẩm thu hút người tiêu dùng, đây được xem là cơ hội cũng như động lực để Công ty có những định hướng phát triển tối ưu trong thời gian tới.

## Rủi ro về lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty cần lượng vốn để đầu tư, mua sắm, nâng cấp máy móc hỗ trợ cho hoạt động sản xuất và bổ sung nguồn vốn lưu động, do vậy lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty đã quản trị dòng tiền để đảm bảo việc sử dụng vốn tối ưu đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty.



## Rủi ro về tỷ giá

Đặc thù nổi bật của ngành Nhựa Việt Nam là phải nhập khẩu đến 80% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Trong khi đó, giá nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu Nhựa luôn có sự biến động theo sự biến động của giá dầu trên thế giới, tạo sức ép lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nhựa Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty còn nhập khẩu một số nguyên liệu phục vụ cho sản xuất phân bón. Do đó, rủi ro tỷ giá cũng là một rủi ro khá quan trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty cần quan tâm theo dõi để có những quyết định hiệu quả.



# TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

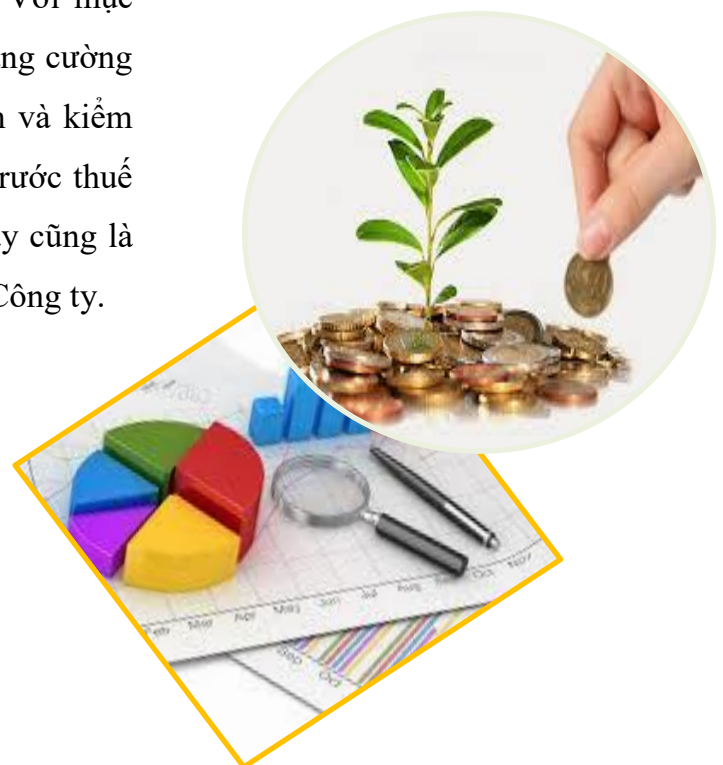




## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/ giảm so với năm 2017
<b>1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>186.926.910.512</b>	<b>236.602.839.985</b>	<b>26,58%</b>
2. Giá vốn hàng bán	159.484.927.711	204.770.198.322	28,39%
3. Doanh thu hoạt động tài chính	17.044.104	6.963.517	-59,14%
4. Chi phí tài chính	3.468.439.721	3.279.261.192	-5,45%
5. Chi phí bán hàng	3.728.039.946	5.107.126.095	36,99%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.680.589.978	12.558.061.521	7,51%
<b>7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.581.957.260</b>	<b>10.895.156.372</b>	<b>26,95%</b>
8. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	8.581.957.260	10.729.835.033	25,03%
<b>9. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>7.142.372.651</b>	<b>9.656.337.602</b>	<b>35,20%</b>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.750	2.113	20,71%

Năm 2018, doanh thu thuần có bước tăng trưởng so với năm trước khi mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực phân bón, tăng từ 186,93 tỷ đồng lên 236,60 tỷ đồng, tương đương tăng 26,58%. Với mục tiêu tối đa lợi ích cho cổ đông, Công ty đã tăng cường công tác quản trị trong sản xuất, kinh doanh và kiểm soát chi phí chặt chẽ đã đạt được lợi nhuận trước thuế năm 2018 vượt 26,95% so với năm 2017, đây cũng là sự nỗ lực của toàn thể Lãnh đạo và CBCNV Công ty.



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### ❖ Danh sách ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	457.099		457.099	10,00%
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	0	0	0	0,00%
3	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng		1.400	1.400	0,04%

### ❖ Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

#### ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 13/08/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/1997 đến 08/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	Kỹ sư vận hành
Từ 08/2001 đến 03/2005	Ban QLDA Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật
Từ 03/2005 đến 07/2011	Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP	Từng giữ các chức vụ: Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện – Tự động hóa; Phó phòng kỹ thuật; Giám đốc Xưởng Sửa chữa Cơ khí
Từ 07/2011 đến 08/2012	Công ty CP bảo dưỡng & sửa chữa công trình Dầu khí, Chi nhánh miền Nam	Phó Giám đốc kỹ thuật; Phó Giám đốc phụ trách
Từ 08/2012 đến 01/2019	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Từng giữ các chức vụ: Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng; Phó trưởng ban Kế hoạch – Đầu tư; Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng; Phó Giám đốc Nhà máy Đạm
Từ tháng 06/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc từ ngày 23/01/2019.



## **ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN – PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Ngày sinh: 02/03/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2006 – 2011	Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo	Kỹ sư Điện – Điện tử
Năm 2011- tháng 5/2016	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	Kíp trưởng Trưởng phòng Quản trị - Kỹ thuật
Tháng 5/2016 đến nay	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

## **ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Ngày sinh: 28/09/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 1992–1996	Trung tâm Tôm – Đại học Cần Thơ. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.	Kế toán trưởng
Năm 2011 đến nay	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng

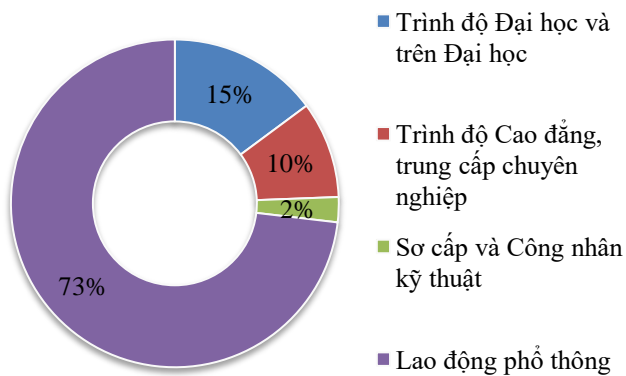
## **Những thay đổi trong ban điều hành**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Ngày cấp	Ngày Miễn nhiệm
1	Lê Quốc Dũng	Giám đốc	025938200	14/07/2010	23/01/2019
2	Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc	212630440	18/08/2009	21/02/2019

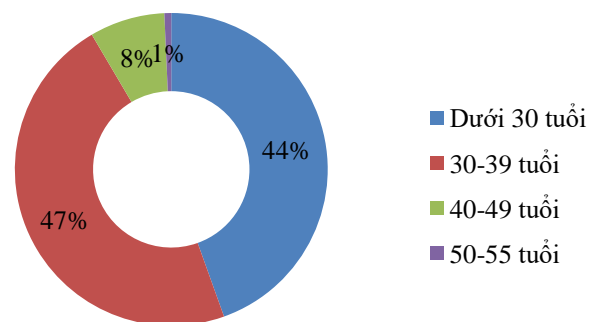
## ❖ Cơ cấu lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	42	15%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	27	10%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	7	2%
4	Lao động phổ thông	207	73%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
	Lao động trực tiếp	146	52%
	Lao động gián tiếp	37	13%
<b>III</b>	<b>Theo độ tuổi</b>		
	Dưới 30 tuổi	126	45%
	30-39 tuổi	133	47%
	40-49 tuổi	22	8%
	50-55 tuổi	2	1%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
	Nam	209	74%
	Nữ	74	26%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>283</b>	<b>100%</b>

### Theo trình độ lao động



### Theo độ tuổi



Lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của PPC.

## ❖ Chính sách nhân sự

Con người là then chốt trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Hiểu được điều đó, Ban điều hành ngoài nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao đời sống cho Người lao động. Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với Người lao động:

- Người lao động làm việc tại Công ty được ký kết hợp đồng lao động đúng đối tượng, đúng qui định của pháp luật lao động.
- Thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động đúng qui định.
- Mua bảo hiểm tai nạn rủi ro 24/24 cho người lao động, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí.
- Nâng lương, nâng bậc đối với người lao động đúng niên hạn.
- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN, ĐẦU TƯ



Đầu tư  
thêm 2  
máy dệt -  
Nhà máy  
bao bì

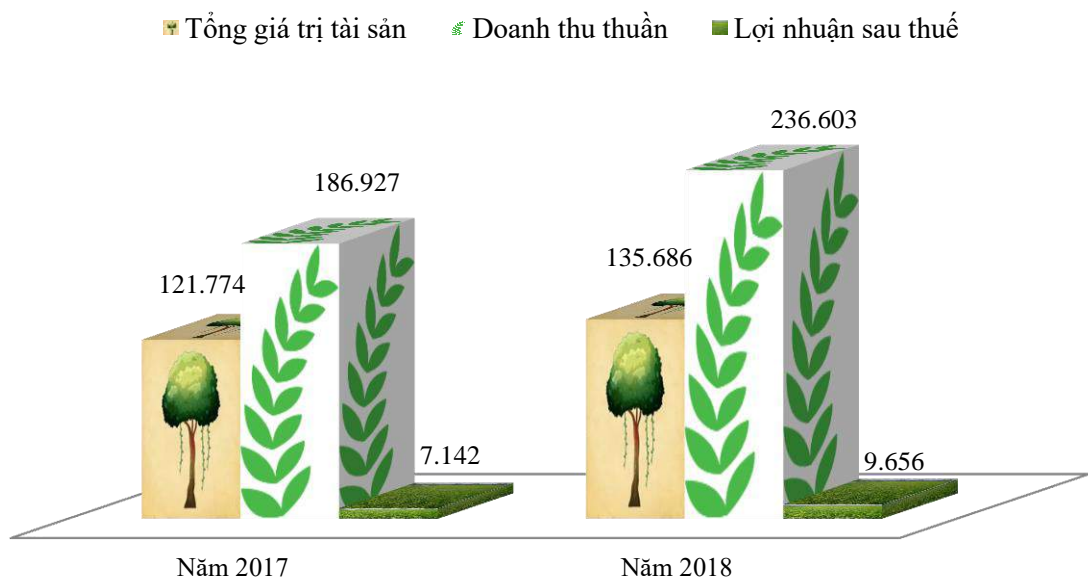
Nhà kho  
phân bón



## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	121.774	135.686	11,42%
Doanh thu thuần	186.927	236.603	26,58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.582	10.895	26,95%
Lợi nhuận khác	-	(165)	
Lợi nhuận trước thuế	8.582	10.730	25,03%
Lợi nhuận sau thuế	7.142	9.656	35,20%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	68,57%	56,80%	(17,16%)

### Biểu đồ

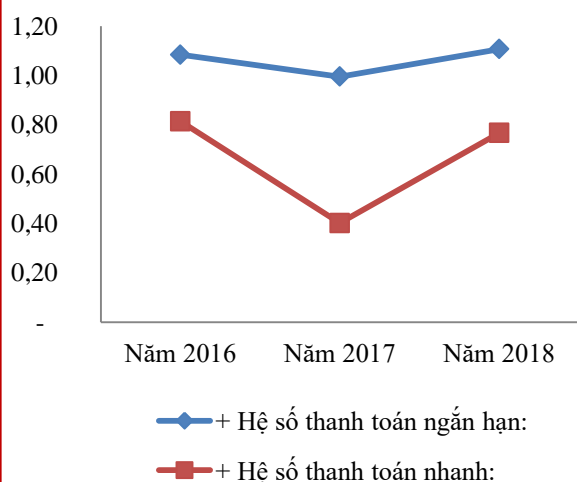




## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

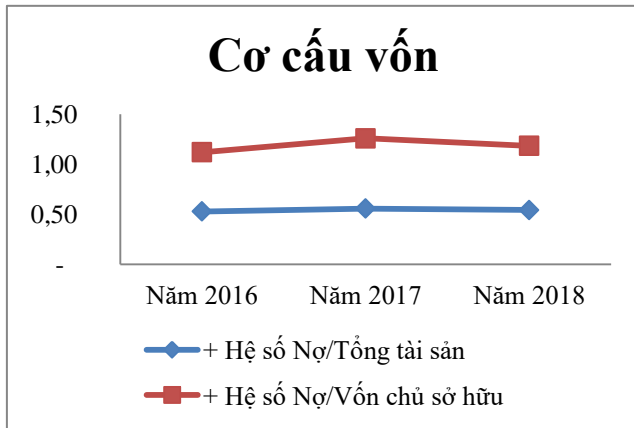
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,00	1,11
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,40	0,77
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,54
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,26	1,18
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	17,51	8,83
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,54	1,74
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,82%	4,08%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,26%	15,55%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,87%	7,12%
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,59%	4,60%

### Khả năng thanh toán

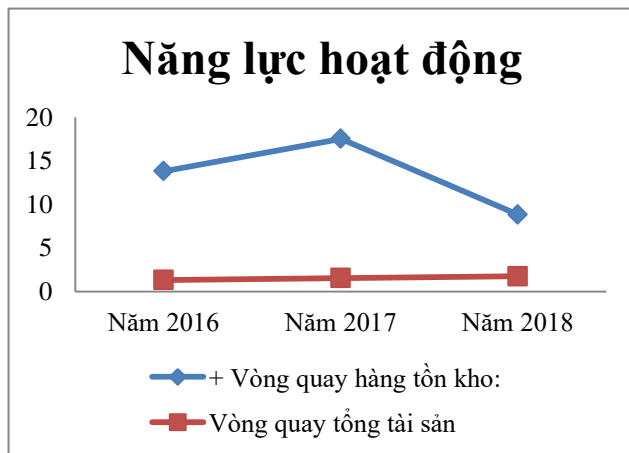


Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều cao hơn so với năm 2017, lần lượt đạt 1,11 và 0,77 lần, hệ số thanh toán ở mức an toàn, dòng tiền được kiểm soát đảm bảo tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

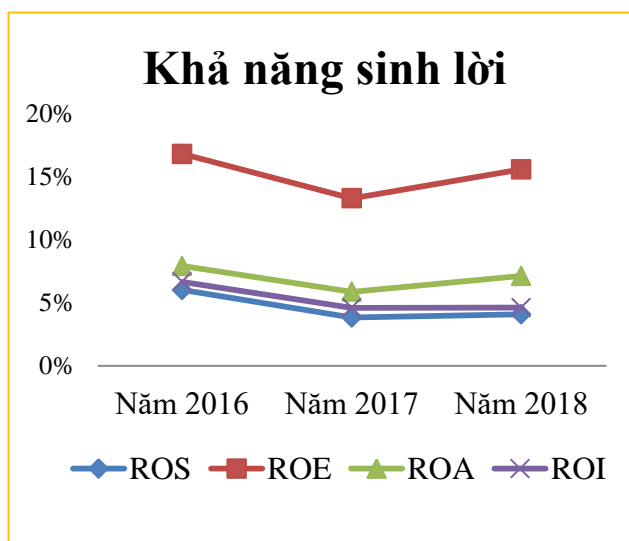
## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tt)



Năm 2018 tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản giảm so với năm 2017 do Công ty hoạt động hiệu quả nên thực hiện trả nợ vay dài hạn định kỳ hàng quý.



Nhằm chủ động trong kinh doanh bao bì thị trường bên ngoài, Công ty đã thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thống tồn kho để kịp thời đáp ứng cho khách hàng nên tồn kho tăng, tuy nhiên vòng quay tổng tài sản vẫn đảm bảo hoạt động SXKD hiệu quả.



Các hệ số khả năng sinh lời của công ty đã có sự gia tăng đáng kể so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã tăng lên so với năm trước. PPC đã có một năm hoạt động thành công với các chỉ số sinh lời đều có sự tăng trưởng.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

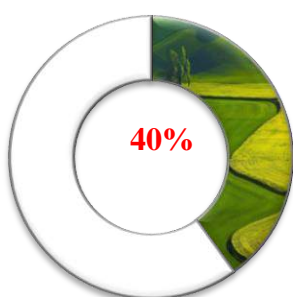
### ❖ Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phát hành: 4.570.994 CP  
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông  
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.570.994 CP  
Cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.570.994 CP  
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 CP  
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP.

### ❖ Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.499.370</b>	<b>98,43%</b>
1	Cổ đông nhà nước	-	
2	Cá nhân	1.830.830	40,05%
3	Tổ chức	2.668.540	58,38%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>71.624</b>	<b>1,57%</b>
1	Cá nhân	70.616	1,54%
2	Tổ chức	1.008	0,02%
<b>V</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.570.994</b>	<b>100,00%</b>

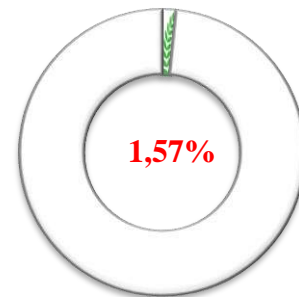
Cổ đông cá nhân trong nước



Cổ đông tổ chức trong nước



Cổ đông nước ngoài



## ❖ Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Cà Mau	2001012298	2.332.540	51,03%	
Doanh Nghiệp Tư Nhân Phương Ngọc	1900271808	336.000	7,35%	
Nguyễn Hữu Kiệt	020844767	308.336	6,75%	Theo báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông ngày 13/08/2018
Nguyễn Thị Liên	273260217	302.428	6,62%	
Phùng Văn Phát	013188637	276.948	6,06%	

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có.





## **BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI**

Là một Công ty sản xuất thì trong quá trình hoạt động đều có tác động tích cực và tiêu cực tương tác với môi trường. Do vậy Ban Lãnh đạo công ty luôn yêu cầu mọi CBCNV Công ty phải có ý thức quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả vừa tiết kiệm chi phí đồng thời góp phần chung tay bảo vệ môi trường lành mạnh.

### **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 80%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu Ban lãnh đạo Công ty luôn luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất để giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

### **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty là điện, dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Hiểu được điều đó, Công ty đã đưa ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy. Ngoài ra, Công ty còn nghiên cứu giải pháp thay thế nhiên liệu dầu DO sang nhiên liệu tự nhiên nhằm tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

### **TIÊU THỤ NƯỚC**

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm, được đầu nối hệ thống cấp thoát nước của Khu công nghiệp nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn nước đảm bảo an toàn môi trường.

### **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Trong năm 2018, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH**

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.



**BÁO  
CÁO  
CỦA  
BAN  
GIÁM  
ĐỐC**

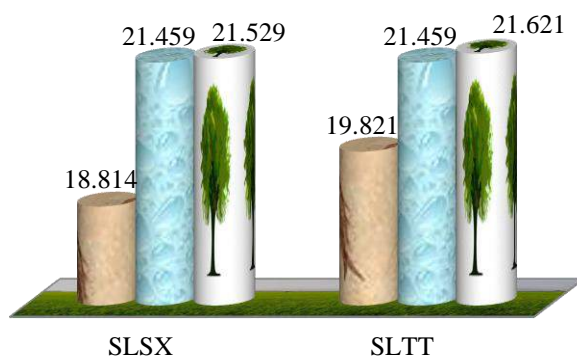
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	% TH 2018/TH 2017	% TH 2018/KH 2018
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	186.944	326.019	236.610	126,57%	72,58%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	186.927	326.019	236.603	126,58%	72,57%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.582	8.880	10.895	126,95%	122,69%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.142	7.314	9.656	135,20%	132,03%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12%	12%	Dự kiến 12%	100,00%	100,00%



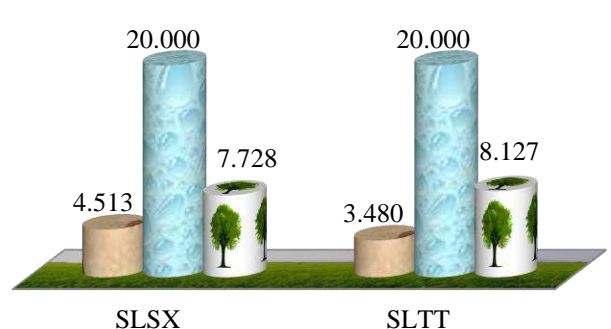
### Sản lượng SX-TT Bao bì

■ Năm 2017 ■ KH 2018 ◆ Năm 2018



### Sản lượng SX-TT Phân bón

■ Năm 2017 ■ KH 2018 ◆ Năm 2018



Năm 2018, là năm PPC được đánh giá hoạt động hiệu quả, được thể hiện qua sự tăng trưởng của các chỉ tiêu chính, đều vượt so với năm trước, lĩnh vực phân bón đã từng bước đi vào ổn định, mảng kinh doanh bao bì tăng trưởng cao so với năm trước. Tình hình SXKD của Công ty cụ thể như sau:

### **Biến động nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định, việc chào giá cho khách hàng được giữ vững lâu hơn.

### **Chất lượng sản phẩm:**

Chất lượng ổn định, sản phẩm được đa dạng hóa chủng loại đáp ứng nhu cầu thị trường.

### **Sản phẩm:**

Sản phẩm bao bì truyền thống ĐCM ổn định và tăng trưởng tạo lợi thế để PPC chủ động mở rộng thị trường bên ngoài.  
Sản phẩm phân bón được nông dân biết đến và sử dụng ưa chuộng.

### **Thiết bị và công nghệ**

Máy móc hoạt động nhiều năm nên bị cũ, hao mòn nhiều, PPC thường xuyên bảo trì bảo dưỡng đảm bảo nhà máy vận hành ổn định.

### **Nguồn nhân lực**

Khó thu hút nhân sự giỏi có tay nghề nên PPC chú trọng trong việc đào tạo, đặc biệt đào tạo nội bộ để nâng cao hiệu suất làm việc.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## ❖ Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	43.712	66.239	151,53%	35,90%	48,82%
Tài sản dài hạn	78.062	69.447	88,96%	64,10%	51,18%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>121.774</b>	<b>135.686</b>	<b>111,42%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm 2018, tổng tài sản của Công ty tăng 11,42%, cơ cấu tài sản có sự thay đổi, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 35,90% lên 48,82% và ngược lại, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm từ 64,10% xuống còn 51,18%.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn trong năm vừa qua tăng 51,53% so với năm 2017, tương đương tăng 22,52 tỷ đồng. trong đó chủ yếu từ 2 khoản mục (khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho), được đóng góp từ việc kinh doanh phân bón tăng trưởng hơn so với năm trước.

Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2018 giảm 11,04% so với năm 2017 do khấu hao tài sản cố định giảm dần.

### Cơ cấu tài sản

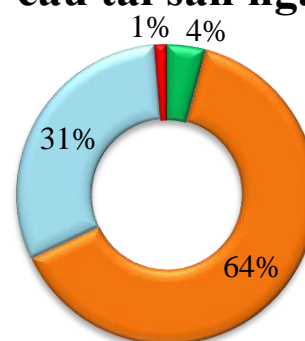


Năm 2017

Năm 2018

■ Tài sản ngắn hạn    ■ Tài sản dài hạn

### Cơ cấu tài sản ngắn hạn



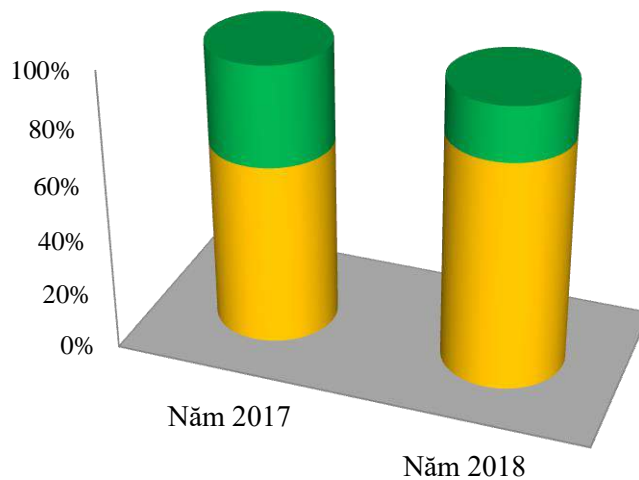
■ Tiền và các khoản tương đương tiền  
■ Các khoản phải thu ngắn hạn  
■ Hàng tồn kho  
■ Tài sản ngắn hạn khác

## ❖ Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
<b>Tổng nợ</b>	67.900	73.584	108,37%	56%	54%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	53.874	62.102	115,27%	44%	46%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>121.774</b>	<b>135.686</b>	<b>111,42%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

### Cơ cấu nợ phải trả



	Năm 2017	Năm 2018
■ Nợ dài hạn	23.981	13.738
■ Nợ ngắn hạn	43.919	59.846

Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là 73.584 triệu đồng, tăng 8,37% so với thời điểm cuối năm 2017. Trong đó nợ ngắn hạn tăng 15.927 triệu đồng (chủ yếu vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, nợ phải trả khách hàng do Công ty thương thảo được với khách hàng thời hạn trả nợ dài; phải trả người lao động) và nợ dài hạn giảm 10.243 triệu đồng, do Công ty thực hiện trả nợ gốc định kỳ hàng quý.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty đã từng bước thâm nhập vào thị trường lĩnh vực kinh doanh phân bón



Công ty đã đúc kết nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất phân bón



Xây dựng Văn hóa Công ty “Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo, Hợp tác”



## KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

### ❖ Mục tiêu trong năm 2019

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy sản xuất Bao bì công suất 100% và Nhà máy Phân bón đạt công suất tối thiểu 15.000 tấn/ năm.

Chủ động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo 02 Nhà máy vận hành liên tục, hiệu quả.

Tăng cường và chủ động phát triển kinh doanh của Công ty cả 2 lĩnh vực Bao bì và phân bón.

Thực hiện triển khai công tác tái cấu trúc Công ty, đặc biệt là công tác thoái vốn theo lộ trình thoái vốn của PVCFC.

Đảm bảo quyền lợi người lao động và lợi ích Cổ đông.

### ❖ Kế hoạch SXKD năm 2019 cụ thể

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	KH năm 2019	So với năm 2018
1	Sản lượng tiêu thụ				
	<i>Bao bì</i>	Nghìn bao	21.621	22.567	104,37%
	<i>Phân bón</i>	Tấn	8.127	15.000	184,57%
2	Doanh thu	Triệu đồng	236.444	307.445	130,03%
	<i>Bao bì</i>		173.021	187.273	108,24%
	<i>Phân bón</i>		63.313	120.172	189,81%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.730	8.876	82,72%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.656	7.367	76,29%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Dự kiến 12%	Dự kiến 12%	100,00%

### ❖ Các giải pháp thực hiện

#### a. Về sản xuất, kỹ thuật và công nghệ:

- Vận dụng các quy chế, quy định và quy trình để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, sản phẩm đạt chất lượng và công suất cao.
- Áp dụng và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, thực hành tiết kiệm nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.
- Thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng một cách có kế hoạch và hiệu quả, đảm bảo kế hoạch tồn kho vật tư, phụ tùng an toàn và hiệu quả đáp ứng kịp thời công tác bảo trì bảo dưỡng.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ nguồn nguyên liệu đầu

vào, từng công đoạn sản xuất và đầu ra.

- Tăng cường nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm, phát triển đa dạng chủng loại sản phẩm, đẩy mạnh chương trình cải tiến, sáng kiến trong sản xuất.
- Tạo quan hệ với các đơn vị bạn trong ngành để đưa CBCNV tham quan trao đổi học hỏi kinh nghiệm.
- Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV, đặc biệt đào tạo nội bộ.
- Ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ, kinh nghiệm, tay nghề.

➤ **Một số giải pháp cụ thể của Nhà máy Bao bì:**

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu có chất lượng tương đương thay thế nguồn nguyên liệu chất lượng tốt hiện tại với giá thấp sao cho tương thích với chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh chương trình sáng kiến cải tiến trong sản xuất kinh doanh để tiết giảm tỷ lệ hao hụt trong sản xuất.
- Cải tiến công nghệ sản xuất Bao ghép màng BOPP, bao tráng in đạt chất lượng tốt nhất đảm bảo nhu cầu bao bì cho Nhà máy ĐCM và thị trường bên ngoài.
- Tăng cường đào tạo nội bộ trong sản xuất để tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện tại.

➤ **Một số giải pháp cụ thể của Nhà máy Phân bón:**

- Cải tiến hệ thống sấy bằng nhiên liệu dầu DO sang hệ thống đốt trấu để tiết giảm chi phí nhiên liệu và giảm áp lực rủi ro khi giá Dầu biến động.
- Nghiên cứu thêm những dòng sản phẩm mới có thể sản xuất trên dây chuyền hiện tại.
- Tăng cường cải tiến thiết bị để nâng cao công suất và tiết giảm tỷ lệ hao hụt.
- Tăng cường tìm kiếm nguồn nhiên liệu Humic chất lượng giá rẻ để tiết giảm chi phí.

*b. Về kinh doanh:*

❖ **Kinh doanh**

● **Bao bì:**

- Đối với Bao bì ĐCM: PPC sẽ cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng và giảm giá thành để đảm bảo cung cấp toàn bộ sản phẩm Bao bì cho Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Đối với Bao ngoài: tiếp tục duy trì sản lượng để đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định.

● **Phân bón:**

- Phối hợp chặt chẽ với PVCFC để cung cấp lượng Phân bón kịp thời theo thời vụ.

- Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp theo sát đội ngũ thị trường của PVCFC để từng bước tìm hiểu thị trường để chủ động tự doanh trong thời gian sắp tới. Bên cạnh đó, nghiên cứu các hình thức kinh doanh theo những thị trường ngách, hoặc bán trực tiếp để tiết kiệm chi phí bán hàng.
  - Phối hợp với trung tâm nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới để nâng cao công suất nhà máy đáp ứng thị trường, giảm giá thành.
- c. Về đầu tư:*
- Triển khai nghiên cứu, thực hiện đầu tư đúng quy định hiện hành đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra, tiết kiệm và hiệu quả.
- d. Về Tài chính*
- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
  - Tập trung vốn để đảm bảo sản xuất kinh doanh.
  - Lập phương án bổ sung nguồn vốn để đầu tư một cách hiệu quả.
  - Thực hiện chức năng giám sát tài chính, tăng cường kiểm soát nội bộ, tham gia vào các công việc kế hoạch, tiền lương, tiếp thị, thương mại, giao nhận, đầu tư.
- e. Về Tổ chức*
- Tái cơ cấu mô hình tổ chức của Công ty một cách tinh gọn nhằm phát huy tối đa nguồn lực của Công ty.
  - Đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên để đáp ứng được nhiệm vụ được giao.
- f. Môi trường, an toàn, sức khoẻ*
- Mở lớp tập huấn về an toàn lao động và phòng cháy cho CBCNV nhà máy.
  - Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nhất là xung quanh nơi làm việc.





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Năm 2018, ngành Dầu khí Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức do giá dầu thế giới bất ổn, đồng thời với nhiều nguồn năng lượng mới phát triển, do vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo chiến lược phát triển của Công ty, bao bì được xem là sản phẩm chủ chốt, tuy nhiên để phát triển ổn định và bền vững Công ty đã mở rộng phát triển sang lĩnh vực phân bón, đến nay lĩnh vực kinh doanh phân bón đã dần đi vào hoạt động ổn định. Với lợi thế kênh phân phối sẵn có của Công ty mẹ sản phẩm đã bắt đầu thâm nhập thị trường và được người nông dân phản hồi tích cực. Công ty tin tưởng trong thời gian sắp tới lĩnh vực kinh doanh phân bón sẽ có bước tiến triển vượt trội hơn.

Về lĩnh vực bao bì, Công ty duy trì năng lực sản xuất như hiện tại, đồng thời thực hiện các biện pháp tăng năng suất cải tiến chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu gia tăng sản lượng cung cấp ra ngoài thị trường.

Nhìn chung, với sự cố gắng nỗ lực của tập thể Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC

Mối quan hệ quản trị, điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

- HĐQT đã ban hành các văn bản (nghị quyết, quyết định,...) về các mặt hoạt động của công ty để Giám đốc tổ chức thực hiện. Trong quá trình làm việc, HĐQT cũng đã trao đổi, thảo luận và thống nhất với Giám đốc kịp thời phê duyệt, điều chỉnh, cập nhật các văn bản theo đề xuất của Giám đốc để các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục và thuận lợi.
- HĐQT thực hiện các cuộc họp định kỳ hàng Quý để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Quý và đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD của Quý tiếp theo.
- HĐQT xem xét, giám sát các báo cáo về tình hình hoạt động SXKD hàng quý, báo cáo tài chính Quý I/ 2018, Quý II/ 2018, Quý III, Quý IV của Ban điều hành.
- Kết quả giám sát: Ban điều hành đã tổ chức, điều hành kế hoạch hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty đạt kết quả như sau (Số liệu BCTC của Công ty trước kiểm toán):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
	<i>Bao bì</i>	<i>Nghìn bao</i>	21.459,04	21.529,27	100,33%
	<i>Phân bón</i>	<i>Tấn</i>	20.000,00	7.728,13	38,64%
<b>2</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
	<i>Bao bì</i>	<i>Nghìn bao</i>	21.459,04	21.621,23	100,76%
	<i>Phân bón</i>	<i>Tấn</i>	20.000,00	8.127,00	40,64%
<b>3</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	326.019	236.444	72,52%
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	8.880	10.730	120,83%
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	7.314	9.656	132,03%
<b>6</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Triệu đồng</b>	7.200	6.669	92,63%

## CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### ❖ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019
1	Sản lượng tiêu thụ		
	<i>Bao bì</i>	Nghìn bao	22.567
	<i>Phân bón</i>	Tấn	15.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	307.445
	<i>Bao bì</i>		187.273
	<i>Phân bón</i>		120.172
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.876
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.367
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Dự kiến 12%

### ❖ Các kế hoạch, định hướng năm 2019

#### ✚ Về chiến lược, kế hoạch:

- Tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển của Công ty, nghiên cứu phương án thực hiện việc tái cấu trúc của Công ty phù hợp định hướng phát triển của PVCFC, tình hình thực tế của Công ty.

- Giám sát thực hiện kế hoạch 2019 và xây dựng kế hoạch 2020 đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường các giải pháp về kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh phân bón.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm bao bì, phân bón.

- Tập trung công tác nghiên cứu, cải tiến máy móc thiết bị, vận hành NMSX an toàn, hiệu quả, đạt công suất thiết kế.

#### ✚ Về công tác quản trị:

- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ quản trị tiên tiến và hiện đại và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

- Chú trọng trong công tác xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, bên cạnh bám sát đội kinh doanh thị trường PVCFC song phải tăng cường nghiên cứu thu thập thông tin thị trường, kênh phân phối để xây dựng chiến lược tự kinh doanh phân phối phân bón trong giai đoạn sau năm 2019.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Kiểm soát tốt các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại Nhà máy; quản trị chặt chẽ chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo theo các bộ định mức kinh tế kỹ thuật và cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại.

#### **✚ Công tác khác:**

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.

- Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư mua sắm đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo công tác kinh doanh cả 02 lĩnh vực sản phẩm Bao bì và phân bón đảm bảo hiệu quả kinh doanh, giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa Công ty tạo môi trường phát triển bền vững.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ❖ Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện	SL cổ phần	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Trần Chí Nguyễn	CT. HĐQT	868.489		19,00%	
2	Nguyễn Trung Kiên	TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	457.099	-	10,00%	
3	Lê Quốc Dũng	TV. HĐQT	549.852	70.000	13,56%	
4	Nguyễn Đức Thuận	TV. HĐQT	457.099	-	10,00%	
5	Trần Thiên Hồng	TV. HĐQT	-	-	0,00%	

#### **Ông TRẦN CHÍ NGUYỄN - Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: 21/09/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Tóm tắt quá trình công tác:

Trước năm 2008, Ông Nguyễn làm việc tại Phòng Kế toán – Bưu điện tỉnh Cà Mau với nhiều vị trí khác nhau. Từ 2008-2011, Ông công tác tại Phòng Tài chính kế toán Ban Quản lý Dự án Cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau với các chức danh: Chuyên viên, Phó trưởng phòng. Ông đảm nhận chức vụ Kiểm soát viên chính tại PVCFC bắt đầu từ năm 2012. Từ tháng 1/2016, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên Hội đồng Quản trị PVCFC. Đến tháng 4/2016, Ông được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đề cử đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam.

#### **Ông LÊ QUỐC DŨNG - TV HĐQT**

Năm sinh: 11/11/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công trình và đô thị.

Tóm tắt quá trình công tác:

Năm 2000, công tác tại Công ty Invesco – Tổng công ty xây dựng Hà Nội. Sau đó, Ông giữ chức vụ Phó trưởng Ban Phát triển kinh doanh, Phó trưởng ban Đầu tư Phát triển- Công ty Petrosetco 07/2010 đến nay, Giám đốc kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty PPC.

## **Ông NGUYỄN ĐỨC THUẬN – Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ

Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng 01/1998 đến tháng 09/1999, Ông làm việc tại Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí. Từ tháng 09/1999 đến tháng 05/2002, Ông chuyển công tác về Ban QLDA nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam giữ chức vụ chuyên viên phòng Kế hoạch - Kỹ thuật. Từ 05/2002 đến 08/2007, Ông làm chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh. Từ 08/2007 đến 06/2014, Ông đảm nhận chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần bất động sản Dầu khí. Từ 07/2014 đến nay, Ông đảm nhận chức vụ Phó chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau và được đề cử làm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam từ tháng 06/2018.

## **Ông TRẦN THIÊN HỒNG – Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 04/03/1951

Trình độ văn hóa: 12/12

Tóm tắt quá trình công tác: Từ năm 1975-1985, Ông làm việc tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh. Từ sau năm 1985 đến nay, Ông tự kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia.

### **❖ Các tiểu ban thuộc HĐQT**

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cho các thành viên HĐQT thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.



## ❖ Hoạt động của HĐQT

HĐQT đã phân công, phân nhiệm cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể.

- Với nhiệm vụ được phân công, các thành viên HĐQT đã thực hiện nghiêm túc quyền và trách nhiệm của mình; thường xuyên có sự trao đổi về nội dung và phương hướng công tác đi đến thống nhất trong chỉ đạo.

- HĐQT thực hiện tổ chức và tham gia các cuộc họp định kỳ hàng Quý để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Quý và đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD của Quý tiếp theo.

- HĐQT cũng đã ban hành mới, bổ sung các quy chế, quy định, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ, thống nhất định hướng để Ban Giám đốc điều hành các mặt hoạt động của công ty.

- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời có ý kiến với Ban Giám đốc theo trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT.

- Hoạt động quản trị Công ty đều theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc trong việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết/quyết định của HĐQT bao gồm việc giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động của Công ty.

- Các Nghị quyết được thông qua đều được HĐQT giao cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- Thực hiện tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

- Bên cạnh đó, thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT đã thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Năm 2018 HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, 6 lần lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành các Nghị quyết, quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-PPC-HĐ	10/1/2018	V/v Họp định kỳ Quý IV/ 2017
02	02/NQ-PPC-HĐ	18/1/2018	V/v Phê duyệt KH SXKD năm 2018
03	03/NQ-PPC-HĐ	27/2/2018	V/v Chấp thuận các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
04	04/NQ-PPC-HĐ	27/3/2018	V/v Phê duyệt quỹ tiền lương 2017

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
05	05/NQ-PPC-HĐ	24/4/2018	V/v Hợp định kỳ Quý I/2018
06	06/NQ-PPC-HĐ	11/5/2018	V/v Quyết toán quỹ tiền lương năm 2017
07	07/NQ-PPC-HĐ	30/5/2018	V/v Chấp thuận các nội dung tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018
08	08/NQ-PPC-HĐ	21/6/2018	V/v Phân công nhiệm vụ HĐQT PPC
09	09/NQ-PPC-HĐ	26/6/2018	V/v Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
10	10/NQ-PPC-HĐ	11/7/2018	V/v Hợp HĐQT Quý II/ 2018
11	11/NQ-PPC-HĐ	30/8/2018	V/v Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa thuê dịch vụ PPC
12	12/NQ-PPC-HĐ	27/9/2018	V/v Hợp HĐQT Quý III/ 2018
13	13/NQ-PPC-HĐ	15/11/2018	V/v Hợp HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch 2018, kế hoạch 2019
14	01/QĐ-PPC-HĐ	08/3/2018	V/v Miễn nhiệm Thư ký Công ty
15	02/QĐ-PPC-HĐ	08/3/2018	V/v Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty kiêm CV pháp chế
16	03/QĐ-PPC-HĐ	26/4/2018	V/v Cho nghỉ chế độ thai sản đối với công nhân viên
17	04/QĐ-PPC-HĐ	21/6/2018	V/v Chi trả lương, thù lao cho Trưởng Ban kiểm soát
18	05/QĐ-PPC-HĐ	21/6/2018	V/v Chi trả lương, thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát
19	06/QĐ-PPC-HĐ	20/8/2018	V/v Ban hành chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
20	07/QĐ-PPC-HĐ	12/9/2018	V/v Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
21	08/QĐ-PPC-HĐ	30/11/2018	V/v Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao ban quản lý điều hành PPC
22	09/QĐ-PPC-HĐ	14/12/2018	V/v Sửa đổi Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ

### ❖ **Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập**

Thành viên Hội đồng quản trị Ông Trần Thiên Hồng, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành.

### ❖ **Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

## **BAN KIỂM SOÁT**

### • **Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Vũ Chí Dương	Trưởng ban kiểm soát		
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên BKS	1.400	0,03%
3	Nguyễn Quang Tám	Thành viên BKS	-	-

### ❖ **Hoạt động của Ban Kiểm Soát**

Nhằm giúp công tác kiểm tra giám sát đạt hiệu quả cao, Ban Kiểm soát Công ty đã bám sát và triển khai sớm kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua. Công tác kiểm tra, giám sát chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau: chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty; sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức năm (05) cuộc họp thông qua các vấn đề như: kế hoạch hoạt động trong năm; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát; thẩm định các báo cáo tài chính; tình hình sản xuất kinh doanh quý, bán niên, năm; kiến nghị sau các cuộc kiểm tra, góp ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy trình, quy định của Công ty.... Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch năm 2018 đã được Hội đồng Quản trị PVCFC phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từng thành viên BKS đã hết sức nỗ lực và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, thường xuyên thực hiện trao đổi công việc để hoạt động của BKS được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.



## ❖ **Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của năm 2018:**

### ▪ **Giám sát tình hình hoạt động:**

Trong năm 2018, HĐQT đã luôn sát sao, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của PPC đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban GD chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cho hiệu quả.

Nhìn chung, năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD mảng bao bì, riêng mảng phân bón chưa hoàn thành kế hoạch đề ra do tình hình thị trường tiêu thụ còn khó khăn, nông dân mới bắt đầu biết đến và sử dụng sản phẩm nên sản lượng còn hạn chế, dẫn đến tổng doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận vẫn đảm bảo lợi nhuận kế hoạch đề ra (lợi nhuận trước thuế đạt 120%, lợi nhuận sau thuế đạt 135,93% so với kế hoạch). Kết quả hoạt động của PPC như sau:

- Sản lượng sản xuất: Nhà máy bao bì vận hành ổn định 98,32% công suất, đạt 21.529 nghìn bao đạt 100,33% so với kế hoạch và vượt 14,43% so với thực hiện năm 2017. Nhà máy phân bón sản xuất được 7.728 tấn, chỉ đạt 38,64% so với kế hoạch, tuy nhiên có sự tăng trưởng so với năm trước, tăng 71% so với thực hiện năm 2017.
- Sản lượng tiêu thụ: Bao bì tiêu thụ đạt 21.621 nghìn bao đạt 100,76% so với kế hoạch và đạt 109,08% so với thực hiện năm 2017, hoàn thành kế hoạch đề ra. Phân bón tiêu thụ được khoảng 8.127 tấn, chỉ đạt 40,64% so với kế hoạch, chưa hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Doanh thu thực hiện: Doanh thu đạt được 236,90 tỷ đồng, chỉ đạt 72,66% so với kế hoạch, nhưng đạt 126,57% so với thực hiện năm 2017, chưa hoàn thành kế hoạch đề ra. Nguyên nhân lượng tiêu thụ phân bón quá thấp, nên ảnh hưởng đến doanh thu chung của Công ty chưa hoàn thành kế hoạch, tuy nhiên doanh thu bao bì vượt 4% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 10,73 tỷ đồng, đạt 120,83% so với kế hoạch và đạt 125,03% so với thực hiện năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 9,66 tỷ đồng, đạt 132,03% so với kế hoạch và đạt 135,2% so với thực hiện năm 2017.
- Chi trả cổ tức: Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 12% (tương ứng với 1.200đ/cổ phiếu).

### **Công tác vận hành sản xuất, kiểm tra chất lượng:**

- Công ty cũng đã tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ các khâu sản xuất nhằm đảm bảo thành phẩm đạt các yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, quy cách, và giảm thiểu tối đa hao hụt trong sản xuất.
- Trong năm 2018, Công ty đã quản lý và vận hành nhà máy sản xuất bao bì hoạt động ổn định với công suất thành phẩm đạt khoảng 98,32%. Đối với, nhà máy phân bón, do tình hình tiêu thụ thấp nên đã phải tạm dừng hoạt động khá nhiều lần, dẫn đến công suất hoạt động còn thấp, bình quân 53% nhưng tùy ngày đạt được 83% công suất.

### ***Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, an toàn sức khỏe:***

- Công tác bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện tốt. Công tác an ninh, an toàn vệ sinh môi trường PCCC được kiểm tra giám sát chặt chẽ không phát sinh sự cố nào về an toàn lao động, thiệt hại tài sản, ô nhiễm môi trường.
- Công suất của nhà máy phân bón đã được cải thiện, đạt được khoảng 83 tấn/ngày nhưng chưa ổn định. Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu để cải tiến nâng cao công suất thiết kế. Trong tháng 8/2018, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng lớn an toàn và hiệu quả đối với 02 nhà máy.

### ***Công tác triển khai đầu tư mua sắm:***

- PPC đã hoàn thành dự án xây dựng kho chứa thành phẩm đưa vào sử dụng cuối tháng 10/2018.
- Thực hiện mua sắm bổ sung 02 máy dẹt phục vụ cho Nhà máy Bao bì, đã lắp đặt và hoạt động ổn định tháng 12/2018.

### ***Công tác nhân sự, đào tạo***

Công tác tuyển dụng nhân sự luôn được PPC tiến hành công khai, dân chủ theo đúng Luật lao động và quy chế tuyển dụng của Công ty;

Công tác tổ chức và quản lý đào tạo luôn tuân thủ đúng quy trình, quy chế tại PPC.

### ***Công tác quản trị doanh nghiệp***

Sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định theo yêu cầu của Công ty cổ phần đại chúng.

Kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự, điều chỉnh phân công trong Ban Lãnh đạo nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả xử lý công việc

#### **▪ Giám sát tình hình tài chính:**

Căn cứ vào các báo cáo do Ban GD trình bày tại các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp định kỳ, tình hình kiểm tra giám sát thực tế tại đơn vị và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của PPC năm 2018 lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, bảo toàn và phát triển vốn. Các kết quả đánh giá cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty và được trình bày các mẫu biểu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế đáp ứng đúng chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- PPC đã thực hiện và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- PPC đã tuân thủ tốt các quy định về quản lý vốn, quản lý tài chính trong năm 2018.
- Các chỉ số tài chính cơ bản đều đạt trên mức chuẩn cho phép, cụ thể như sau:
  - + *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn trong là 1,11 và hệ số thanh toán nhanh là 0,77. Cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh chưa được đảm bảo, có thể gặp khó khăn trong thanh toán.
  - + *Về cơ cấu vốn, nguồn vốn và quản lý nợ:* Nợ phải trả chiếm 54,23% tổng nguồn vốn, Nợ ngắn hạn chiếm 44,11% tổng nguồn vốn, nợ dài hạn chiếm 10,12% tổng nguồn vốn. Tính đến 31/12/2018, tổng khoản vay ngắn và dài hạn tại Vietinbank Bạc Liêu là 38,62 tỷ đồng.
  - + Hệ số nợ phải trả so với tổng tài sản là 0,54 lần, cho thấy trên 50% tài sản của Công ty được tài trợ bằng vốn vay. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu là 1,18 lần, cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bằng khoản vay nợ.
  - + *Về chỉ tiêu hoạt động:* Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 10,20 lần và vòng quay khoản phải thu là 8,16 lần, cho thấy Công ty hoạt động hiệu quả vốn lưu động.
  - + *Về tỷ suất sinh lợi:* Năm 2018: tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với tổng tài sản (ROA) đạt 7,12%, và tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 15,55%, cho thấy việc sử dụng tài sản, cũng như nguồn vốn hiệu quả.

#### ❖ **Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

- Năm 2018, ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn tổ chức các cuộc họp khác lấy ý kiến của các thành viên để ra quyết định kịp thời. Ngày 09/01/2019, tại cuộc họp HĐQT, Báo cáo của HĐQT và Ban GD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2018 của Công ty PPC.
  - HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của PPC theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban GD đã chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.
  - Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; luôn theo sát và có hướng chỉ đạo kịp thời nhằm hỗ trợ Ban GD trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018.
  - Ban GD đã chủ động điều hành hoạt động PPC một cách linh hoạt, phân công nhiệm vụ một cách cụ thể, rõ ràng và đẩy mạnh phân cấp trong công tác điều hành nhằm đảm bảo xử lý công việc kịp thời, đem lại hiệu quả cao.

## ❖ **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**

Tại Công ty PPC, sự phối hợp hoạt động của HĐQT, Ban GD và BKS được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của PPC. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban GD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

Trong năm 2018, HĐQT và Ban GD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát như:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của PPC;
- Mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của PPC;

Các ý kiến của BKS luôn được HĐQT và Ban GD phản hồi đầy đủ và kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và công tác quản trị Công ty.

## ❖ **Kiến nghị của Ban Kiểm soát cho kế hoạch hành động năm 2019**

Trước bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhằm duy trì và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019, BKS kiến nghị một số nội dung như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty đảm bảo hiệu quả bền vững, tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp;
- Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, quản lý hiệu quả dòng tiền; tiết kiệm/tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm cả hai nhà máy sản xuất Bao bì và phân bón.
- Tiếp tục giám sát và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục khắc phục các tồn tại của Nhà máy Phân bón;
- Quan tâm hơn nữa đến khách hàng tiềm năng sử dụng bao bì và phân bón để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và tăng doanh thu cho Công ty cũng như hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.



## ❖ Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019

BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của PPC cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban GD và các phòng/ ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2019 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành PPC theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế, quy định của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) có liên quan, và các quy định nội bộ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình tài chính hàng quý, năm của PPC;
- Thực hiện các báo cáo và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, Công ty mẹ PVCFC và các quy định hiện hành.



## ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS công ty lựa chọn công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm được đánh giá cao trong lĩnh vực kiểm toán đồng thời đồng bộ với Công ty mẹ PVCFC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019, đơn vị được đề xuất lựa chọn là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BAN ĐIỀU HÀNH

- **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao, tiền thưởng	Ghi chú
<b>I. Hội đồng quản trị:</b>			<b>40,70%</b>	
1	Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	3,45%	
2	Lê Quốc Dũng	TV HĐQT	31,45%	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc ngày 23/01/2019
3	Trần Như Quỳnh	TV HĐQT	1,20%	Miễn nhiệm chức vụ TV. HĐQT ngày 21/06/2018
4	Tổng Việt Thống	TV HĐQT	1,20%	
5	Nguyễn Đức Thuận	TV HĐQT	1,10%	Bỏ nhiệm chức vụ TV. HĐQT ngày 21/06/2018
6	Trần Thiên Hồng	TV HĐQT	2,30%	
<b>II. Ban Kiểm soát:</b>			<b>6,21%</b>	
1	Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	1,41%	Bỏ nhiệm chức vụ Trưởng BKS ngày 21/06/2018
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TV BKS	3,92%	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng BKS ngày 21/06/2018
3	Nguyễn Quang Tám	TV BKS	0,88%	
<b>III. Ban Giám đốc:</b>			<b>36,76%</b>	
1	Nguyễn Trung Kiên	TV HĐQT kiêm Giám đốc	1,10%	Bỏ nhiệm chức vụ TV. HĐQT ngày 21/06/2018 và chức vụ Giám đốc ngày 23/01/2019
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	18,77%	
3	Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc	16,89%	Miễn nhiệm ngày 21/02/2019
<b>IV. Kế toán trưởng:</b>			<b>16,32%</b>	
1	Lê Cảnh Khánh	KTT	16,32%	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>100.00%</b>	

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.



**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8  
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


011250  
ÔNG T  
NHIỆM H  
LOIT  
ỆT NA  
ĐA - TR

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8  
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



---

**Nguyễn Trung Kiên**  
**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Trần Huy Công**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2737-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 03 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.239.010.721</b>	<b>43.712.061.970</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.738.000.820</b>	<b>606.301.353</b>
1. Tiền	111		2.738.000.820	606.301.353
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.307.089.098</b>	<b>15.679.706.417</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	42.188.157.996	15.651.586.417
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	28.120.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		118.931.102	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>20.331.975.197</b>	<b>26.053.806.278</b>
1. Hàng tồn kho	141		20.331.975.197	26.053.806.278
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>861.945.606</b>	<b>1.372.247.922</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	861.945.606	1.372.247.922
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.447.123.441</b>	<b>78.062.354.881</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.022.977.514</b>	<b>76.914.932.452</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	68.875.199.736	76.640.488.008
- Nguyên giá	222		118.612.827.463	115.765.690.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.737.627.727)	(39.125.202.422)
2. Tài sản cố định vô hình	227		147.777.778	274.444.444
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(232.222.222)	(105.555.556)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>421.145.927</b>	<b>1.144.422.429</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	421.145.927	1.144.422.429
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>135.686.134.162</b>	<b>121.774.416.851</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

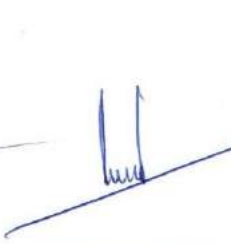
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>73.583.871.081</b>	<b>67.900.016.842</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>59.845.830.413</b>	<b>43.918.953.934</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 10	22.621.778.981	16.614.458.165
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 9	922.938.351	648.478.688
3. Phải trả người lao động	314	7.866.356.511	6.845.019.479
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	301.023.930	306.940.609
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 11	2.066.359.335	2.033.778.744
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 12	24.881.161.941	16.528.222.600
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.186.211.364	942.055.649
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>13.738.040.668</b>	<b>23.981.062.908</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 13	13.738.040.668	23.981.062.908
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>62.102.263.081</b>	<b>53.874.400.009</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 14</b>	<b>62.102.263.081</b>	<b>53.874.400.009</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	45.709.940.000	40.812.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	45.709.940.000	40.812.490.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	6.687.883.883	5.616.527.985
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.704.439.198	7.445.382.024
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a	48.101.596	303.009.373
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	9.656.337.602	7.142.372.651
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>135.686.134.162</b>	<b>121.774.416.851</b>



Trịnh Thanh Trúc  
 Người lập biểu

Ngày 05 tháng 03 năm 2019



Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng




Nguyễn Trung Kiên  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	236.900.084.887	187.021.567.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	297.244.902	94.657.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		236.602.839.985	186.926.910.512
4. Giá vốn hàng bán	11	17	204.770.198.322	159.484.927.711
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.832.641.663	27.441.982.801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.963.517	17.044.104
7. Chi phí tài chính	22	19	3.279.261.192	3.468.439.721
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.267.084.848	3.467.673.421
8. Chi phí bán hàng	25	20	5.107.126.095	3.728.039.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	12.558.061.521	11.680.589.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.895.156.372	8.581.957.260
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		165.321.339	-
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(165.321.339)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.729.835.033	8.581.957.260
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.073.497.431	1.439.584.609
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.656.337.602	7.142.372.651
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.690	1.250



Trịnh Thanh Trúc  
 Người lập biểu



Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên  
 Giám đốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.729.835.033	8.581.957.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.739.091.971	9.659.248.101
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.804.892	(2.367.378)
Chi phí lãi vay	06	3.267.084.848	3.467.673.421
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.747.816.744	21.706.511.404
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(26.627.382.681)	11.072.869.307
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	5.721.831.081	(16.813.585.820)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.945.716.102	7.854.201.355
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	1.233.578.818	(1.101.218.861)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.264.977.050)	(3.439.542.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.150.162.689)	(1.442.942.939)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.184.318.815)	(2.426.958.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.422.101.510	15.409.333.783
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.400.319.144)	(13.770.924.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.400.319.144)	(13.770.924.863)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	169.766.673.943	130.317.350.059
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(171.656.756.842)	(125.494.049.165)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.121.873.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.890.082.899)	(1.298.572.606)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.131.699.467	339.836.314
Tiền đầu năm	60	606.301.353	266.465.039
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.738.000.820	606.301.353



Trịnh Thanh Trúc  
Người lập biểu



Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng





Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười một ngày 25 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 263 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 295 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; và
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 22.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật liệu, phụ tùng thay thế đã xuất dùng, chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2017 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	32.710.310	64.665.472
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.705.290.510	541.635.881
	<b>2.738.000.820</b>	<b>606.301.353</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	38.545.117.166	14.372.160.367
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	39.270.000	553.135.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	-	162.085.000
Các khách hàng khác	3.603.770.830	564.206.050
	<b>42.188.157.996</b>	<b>15.651.586.417</b>
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<b>38.545.117.166</b>	<b>14.372.160.367</b>

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.714.387.957	-	10.161.953.667	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.923.658.081	-	5.424.209.030	-
Thành phẩm	10.693.929.159	-	10.467.643.581	-
	<b>20.331.975.197</b>	<b>-</b>	<b>26.053.806.278</b>	<b>-</b>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	75.198.091	582.603.432
- Vật liệu, phụ tùng thay thế	113.186.000	167.261.684
- Các khoản khác	673.561.515	622.382.806
	<b>861.945.606</b>	<b>1.372.247.922</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	284.122.244	507.993.405
- Chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên	111.661.562	558.307.812
- Các khoản khác	25.362.121	78.121.212
	<b>421.145.927</b>	<b>1.144.422.429</b>

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	51.149.795.014	57.216.863.120	7.243.517.751	155.514.545	115.765.690.430
Tăng trong năm	-	809.800.525	-	196.405.316	1.006.205.841
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.668.157.758	172.773.434	-	-	1.840.931.192
Số dư cuối năm	52.817.952.772	58.199.437.079	7.243.517.751	351.919.861	118.612.827.463
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	12.304.161.591	23.465.335.962	3.232.710.855	122.994.014	39.125.202.422
Khấu hao trong năm	2.990.115.444	6.709.525.474	874.401.180	38.383.207	10.612.425.305
Số dư cuối năm	15.294.277.035	30.174.861.436	4.107.112.035	161.377.221	49.737.627.727
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>38.845.633.423</b>	<b>33.751.527.158</b>	<b>4.010.806.896</b>	<b>32.520.531</b>	<b>76.640.488.008</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>37.523.675.737</b>	<b>28.024.575.643</b>	<b>3.136.405.716</b>	<b>190.542.640</b>	<b>68.875.199.736</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.048.367.272 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 147.463.636 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 63.522.533.553 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 73.279.224.370 VND).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	295.061.188	5.135.560.387	4.784.043.158	646.578.417
- Thuế GTGT đầu ra	295.061.188	5.058.619.987	4.707.102.758	646.578.417
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	76.940.400	76.940.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.261.392	1.073.497.431	1.150.162.689	231.596.134
Thuế thu nhập cá nhân	45.156.108	339.114.726	339.507.034	44.763.800
Thuế khác	-	11.303.968	11.303.968	-
	<b>648.478.688</b>	<b>6.559.476.512</b>	<b>6.285.016.849</b>	<b>922.938.351</b>

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dầu Khí Cà Voi Xanh	4.408.915.500	4.408.915.500	3.026.871.850	3.026.871.850
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.698.943.200	3.698.943.200	1.314.156.000	1.314.156.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	3.208.830.075	3.208.830.075	-	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	3.106.999.830	3.106.999.830	1.136.796.000	1.136.796.000
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	499.048.000	499.048.000	515.748.750	515.748.750
Công ty TNHH Hóa Nhựa Sài Gòn	235.197.600	235.197.600	4.059.002.475	4.059.002.475
Tai An LiFeng Chemical Equipments Co.,Ltd	-	-	448.618.131	448.618.131
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	-	440.468.222	440.468.222
Phải trả cho các đối tượng khác	7.463.844.776	7.463.844.776	5.672.796.737	5.672.796.737
	<b>22.621.778.981</b>	<b>22.621.778.981</b>	<b>16.614.458.165</b>	<b>16.614.458.165</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>3.862.642.924</b>	<b>-</b>	<b>1.831.371.082</b>	<b>-</b>

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa đi mượn (*)	1.509.320.736	1.509.320.736
Kinh phí công đoàn	193.854.870	267.489.960
Bảo hiểm xã hội	286.692.825	202.417.365
Bảo hiểm y tế	51.072.748	35.742.367
Bảo hiểm thất nghiệp	25.418.156	18.808.316
	<b><u>2.066.359.335</u></b>	<b><u>2.033.778.744</u></b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	<b><u>1.509.320.736</u></b>	<b><u>1.509.320.736</u></b>

(\*) Phản ánh giá trị nguyên vật liệu Công ty mượn từ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy Phân bón nhưng chưa hoàn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.



**12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND
Vay ngắn hạn (i)	3.609.022.600	3.609.022.600	169.766.673.943	158.737.556.842	14.638.139.701	14.638.139.701	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 13)	12.919.200.000	12.919.200.000	10.243.022.240	12.919.200.000	10.243.022.240	10.243.022.240	VND
	<b>16.528.222.600</b>	<b>16.528.222.600</b>	<b>180.009.696.183</b>	<b>171.656.756.842</b>	<b>24.881.161.941</b>	<b>24.881.161.941</b>	

- (i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với thời gian vay tối đa không quá 3 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì và phân urê đen. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất cơ sở cộng biên độ quy định nhưng tối thiểu không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do bên cho vay quy định.

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND
Vay dài hạn ngân hàng (i)	36.900.262.908	36.900.262.908	-	12.919.200.000	23.981.062.908	23.981.062.908	VND
	<b>36.900.262.908</b>	<b>36.900.262.908</b>	-	<b>12.919.200.000</b>	<b>23.981.062.908</b>	<b>23.981.062.908</b>	

**Trong đó:**

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	12.919.200.000	12.919.200.000			10.243.022.240	10.243.022.240	
- Số phải trả sau 12 tháng	23.981.062.908	23.981.062.908			13.738.040.668	13.738.040.668	

- (i) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng hạn mức tín dụng với thời hạn vay từ 3 đến 7 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo thời gian.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	10.243.022.240	12.919.200.000
Trong năm thứ hai	4.466.120.000	10.243.022.240
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.271.920.668	11.575.497.136
Sau năm năm	-	2.162.543.532
	<b>23.981.062.908</b>	<b>36.900.262.908</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	10.243.022.240	12.919.200.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>13.738.040.668</b>	<b>23.981.062.908</b>

#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận sau</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>của chủ sở hữu</u>	<u>phát triển</u>	<u>thuế chưa phân</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>phôi</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	40.812.490.000	3.775.243.318	10.324.093.804	54.911.827.122
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.142.372.651	7.142.372.651
Trích lập các quỹ	-	1.841.284.667	(3.899.210.931)	(2.057.926.264)
Chia cổ tức	-	-	(6.121.873.500)	(6.121.873.500)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>5.616.527.985</b>	<b>7.445.382.024</b>	<b>53.874.400.009</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.656.337.602	9.656.337.602
Trích lập các quỹ (i)	-	1.071.355.898	(2.499.830.428)	(1.428.474.530)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	4.897.450.000	-	(4.897.450.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>45.709.940.000</b>	<b>6.687.883.883</b>	<b>9.704.439.198</b>	<b>62.102.263.081</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 21 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền 1.071.355.898 VND và Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.428.474.530 VND và đồng thời, quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 12%/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2017.

#### Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

<b>Cổ phiếu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.994	4.081.249
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.994	4.081.249
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.994	4.081.249
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.994	4.081.249

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười một ngày 25 tháng 01 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 45.709.940.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	23.325.400.000	51,03%	23.325.400.000	51,03%	20.826.250.000	51,03%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.360.000.000	7,35%	3.360.000.000	7,35%	3.000.000.000	7,35%
Cổ đông khác	19.024.540.000	41,62%	19.024.540.000	41,62%	16.986.240.000	41,62%
	<b>45.709.940.000</b>	<b>100%</b>	<b>45.709.940.000</b>	<b>100%</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 21 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 12%/cổ phiếu. Giá trị cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá là 4.897.450.000 VND, tương đương với 489.745 cổ phiếu. Cổ phiếu được chấp nhận niêm yết bổ sung theo Thông báo số 1046/TB-SGDHN ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**15. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì và Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

Năm nay	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	173.186.591.735	63.416.248.250	236.602.839.985
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(147.841.645.636)	(56.928.552.686)	(204.770.198.322)
Chi phí hoạt động bộ phận	(2.583.117.212)	(2.526.377.252)	(5.109.494.464)
Chi phí tài chính	(1.320.475.621)	(1.339.336.475)	(2.659.812.096)
Chi phí khác	(165.321.339)	-	(165.321.339)
<b>Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>21.276.031.927</b>	<b>2.621.981.837</b>	<b>23.898.013.764</b>
Chi phí hoạt động chung			(12.555.693.152)
Doanh thu hoạt động tài chính			6.963.517
Chi phí tài chính			(619.449.096)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>10.729.835.033</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.073.497.431)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>9.656.337.602</b>

Năm trước	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	159.118.800.047	27.808.110.465	186.926.910.512
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(130.136.121.885)	(29.348.805.826)	(159.484.927.711)
Chi phí hoạt động bộ phận	(4.190.531.297)	(850.096.926)	(5.040.628.223)
Chi phí tài chính	(2.167.540.566)	(934.964.829)	(3.102.505.395)
Chi phí khác	-	-	-
<b>Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>22.624.606.299</b>	<b>(3.325.757.116)</b>	<b>19.298.849.183</b>
Chi phí hoạt động chung			(10.368.001.701)
Doanh thu hoạt động tài chính			17.044.104
Chi phí tài chính			(365.934.326)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>8.581.957.260</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.439.584.609)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>7.142.372.651</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

Số cuối năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	66.420.653.139	58.078.165.040	124.498.818.179
Tài sản không phân bổ			11.187.315.983
<b>Tổng cộng tài sản</b>			<b>135.686.134.162</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	20.343.984.966	22.969.075.256	43.313.060.222
Nợ phải trả không phân bổ			30.270.810.859
<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>			<b>73.583.871.081</b>

Số đầu năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	64.442.121.220	39.747.207.156	104.189.328.376
Tài sản không phân bổ			17.585.088.475
<b>Tổng cộng tài sản</b>			<b>121.774.416.851</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	30.952.960.461	23.458.484.200	54.411.444.661
Nợ phải trả không phân bổ			13.488.572.181
<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>			<b>67.900.016.842</b>

16. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán bao bì	173.318.036.637	159.095.913.347
Doanh thu bán phân bón	63.416.248.250	27.808.110.465
Doanh thu bán bao phế	165.800.000	117.544.000
	<b>236.900.084.887</b>	<b>187.021.567.812</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	297.244.902	94.657.300
	<b>297.244.902</b>	<b>94.657.300</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	<b>220.898.582.120</b>	<b>172.113.914.875</b>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bao bì đã bán	147.841.645.636	130.136.121.885
Giá vốn của phân bón đã bán	56.928.552.686	29.348.805.826
	<b>204.770.198.322</b>	<b>159.484.927.711</b>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.452.246.874	133.973.376.592
Chi phí nhân công	32.587.665.247	25.658.607.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.739.091.971	9.659.248.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.164.658.517	7.015.274.691
Chi phí khác bằng tiền	4.213.827.383	4.360.920.421
	<b>217.157.489.992</b>	<b>180.667.427.421</b>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.267.084.848	3.467.673.421
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.176.344	2.500
Chênh lệch tỷ giá đối với các giao dịch phát sinh trong năm	-	763.800
	<b>3.279.261.192</b>	<b>3.468.439.721</b>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	7.189.278.800	6.165.557.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.440.355.765	1.407.479.850
Thuế, phí và lệ phí	168.022.537	141.622.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.194.077	2.589.781.884
Chi phí khác bằng tiền	1.456.210.342	1.376.148.368
	<b>12.558.061.521</b>	<b>11.680.589.978</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	1.007.843.121	1.322.034.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.246.586	265.246.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.798.894.850	1.357.812.886
Chi phí khác bằng tiền	1.035.141.538	782.945.810
	<b>5.107.126.095</b>	<b>3.728.039.946</b>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.672.200.381	1.439.584.609
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(598.702.950)	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.073.497.431</b>	<b>1.439.584.609</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.729.835.033	8.581.957.260
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí không được trừ phát sinh năm 2017 hạch toán trong năm 2018	(1.334.932.745)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	427.692.307	300.357.750
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>9.822.594.595</b>	<b>8.882.315.010</b>
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì	10.720.771.574	14.395.846.090
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	(898.176.979)	(5.513.531.080)
<b>Trong đó:</b>		
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	78.643.320	-
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 17%	9.743.951.275	-
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	-	14.395.846.090
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.672.200.381</b>	<b>1.439.584.609</b>

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2017 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>9.656.337.602</b>	<b>7.142.372.651</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)	(1.931.267.520)	(1.428.474.530)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>7.725.070.082</b>	<b>5.713.898.121</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	4.570.994	4.570.994
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.690</b>	<b>1.250</b>

### **Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, theo đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm 2017 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.400	(150)	1.250



23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng xăng dầu số 17	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Công ty cùng Tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	220.898.582.120	170.699.377.375
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	1.414.537.500
	<b>220.898.582.120</b>	<b>172.113.914.875</b>
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.499.150.000	3.123.937.500
- Chia cổ tức bằng tiền	-	3.123.937.500
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2.499.150.000	-
	<b>2.499.150.000</b>	<b>3.123.937.500</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.812.670.000	8.680.095.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	1.530.500.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng xăng dầu số 17	96.829.240	284.086.252
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Bạc Liêu	57.355.000	175.189.794
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	1.445.466.159
	<b>16.497.354.240</b>	<b>10.584.837.205</b>
<b>Dịch vụ khác</b>		
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	813.592.194	671.373.318
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	85.819.573	102.910.603
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	-	437.150.673
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	13.227.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	-	6.262.850
	<b>899.411.767</b>	<b>1.230.924.717</b>

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	38.545.117.166	14.372.160.367
	<b>38.545.117.166</b>	<b>14.372.160.367</b>
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.698.943.200	1.314.156.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	159.500.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	4.199.724	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	440.468.222
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Bạc Liêu	-	62.603.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	-	14.143.110
	<b>3.862.642.924</b>	<b>1.831.371.082</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.509.320.736	1.509.320.736
	<b>1.509.320.736</b>	<b>1.509.320.736</b>


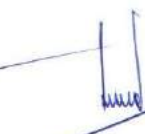

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.865.045.075	2.633.538.000
	<b>2.865.045.075</b>	<b>2.633.538.000</b>

**24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 12%/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018. Giá trị cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá là 4.897.450.000 VND, tương đương với 489.745 cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty không bao gồm khoản tiền tương ứng nêu trên (khoản tiền này đã được điều chỉnh tăng vốn góp của chủ sở hữu đồng thời giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Trịnh Thanh Trúc**  
 Người lập biểu

**Lê Cảnh Khánh**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Trung Kiên**  
 Giám đốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2019



Xác nhận của tổ chức phát hành  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN TRUNG KIẾN



**Công ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam**

Trang web: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn)

Số điện thoại: 0291395777 hoặc 02913 957666

Địa chỉ: Lô A 1-3, KCN Trà Kha, P. 8, TP. Bạc Liêu

